TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DSST
Ngày: 21-6-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia tham gia phiên toà: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2023/TLST-DS ngày 30/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa lần 2 số: 19/2024/QĐST-DS ngày 30/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Đ - sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Thị C - sinh năm 1976 và ông Danh H - sinh năm 1976 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Đ trình bày: Tôi với vợ chồng bà Thị C và ông Danh H là chỗ quen biết với nhau nên tôi có cho ông H, bà C1 vay tiền là 4 lần như sau:

Lần 1 vào ngày 15/3/2021 vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), hẹn 1 - 2 tháng trả vốn và lãi.

Lần 2 ngày 22/7/2021 vay số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), cũng hẹn 1 - 2 tháng trả vốn và lãi.

Lần 3 ngày 17/8/2021 vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hẹn 2 - 3 ngày trả vốn và lãi vì bà C nói cho người khác vay đáo nợ Ngân

hàng.

Lần 4 ngày 30/02/2022 vay số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là bà C nói vay dùm cháu bà và hẹn hẹn 1 - 2 tháng trả vốn và lãi.

Do đó, tổng cộng 04 lần bà C và ông H vay của tôi với số tiền gốc là: 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Từ thời điểm vay tiền cho đến nay, vợ chồng bà C và ông H có đóng lãi cho tôi được vài tháng đầu. Sau đó, đến ngày 17/02/2022 vợ chồng bà C và ông H có đến gặp tôi xin trả tiền gốc, miễn lãi và trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc nên tôi thấy khó khăn nên cũng đồng ý cho bà C và ông H trả tiền gốc không cần trả lãi. Nhưng sau khi xin tôi trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng thì bà C, ông H cũng không trả tôi tháng nào cả. Do đó, tôi có đến gặp vợ chồng bà C và ông H hỏi "khi nào trả số tiền còn thiếu cho tôi" thì vợ chồng bà C và ông H nói là "khi nào có tiền sẽ trả". Qua những lời nói của vợ chồng bà C và ông H thì ông bà chỉ là những lời hứa suông chứ không có ý định trả nợ cho tôi. Từ đó đến thời điểm hiện nay thì vợ chồng bà C và ông H cũng không trả tiền cho tôi được lần nào.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Thị C và ông Danh H phải trả cho tôi số tiền vốn gốc là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi và trả một lần hết nợ.

Đối với ông Danh H và bà Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và chưa cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đương sự nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự còn bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý nên không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Ngô Thị Đ đối với bị đơn bà Thị C và ông Danh H. Buộc bà Thị C và ông Danh H phải trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thị C và ông Danh H phải trả số vàng vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Thị C và ông Danh H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông H và bà C được tống đạt hợp lệ vắng mắt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng nguyên đơn có cung cấp biên bản về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Ngô Thị Đ ngày 13/10/2023 của Công an xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

[3] Về nội dung: Bà Ngô Thị Đ với vợ chồng bà Thị C và ông Danh H là chỗ quen biết với nhau nên ông H, bà C có vay tiền của bà Đ 04 lần từ ngày 15/3/2021 đến ngày 30/02/2022 với tổng số tiền là 320.000.000 đồng đúng sự thật vì ông H và bà C có thừa nhận vay tiền của bà Đ theo biên bản giải quyết ngày 13/10/2022 của Công an xã T.

Xét về yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Bà Ngô Thị Đ với vợ chồng bà Thị C và ông Danh H là chỗ quen biết với nhau nên ông H, bà C có vay tiền của bà Đ 04 lần từ ngày 15/3/2021 đến ngày 30/02/2022 với tổng số tiền là 320.000.000 đồng chưa thanh toán cho bà Đ nên bà Đ yêu cầu ông H, bà C trả tiền nhiều lần nhưng ông, bà hứa rồi không thực hiện. Do đó, bà Đ yêu cầu Công an xã T giải quyết nên tại biên bản hòa giải ngày 13/10/2023 của Công an xã T thì ông H, bà C thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền nêu trên nhưng ông H, bà C cho rằng số tiền 320.000.000 đồng này ông, bà vay dùm cho ông Danh Ngọc D (cháu ông, bà) và ông H, bà C yêu cầu ông D trả cho bà Đ. Mặc khác, cho thấy ông H, bà C là người trực tiếp vay tiền của bà Đ nên ông H, bà C phải có trách nhiệm trả cho bà Đ còn ông D không có liên quan. Hơn nửa, bà C, ông H xác định vay tiền của bà Đ dùm cho ông D thì ông H, bà C yêu cầu ông D trả cho bà Đ1 thì có sự thỏa thuận giữa bà Đ, ông H, bà C với ông D và phải làm văn bản nhưng bà Đ không đồng ý nên ông H và bà C phải có trách nhiệm trả hết cho bà Đ số tiền là 320.000.000 đồng. Do đó, buộc ông Danh H và bà Thị C phải trả số tiền còn thiếu cho bà Ngô Thị Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Đối với bà Thị C và ông Danh H là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi ông H và bà C thực hiện giao dịch với bà Ngô Thị Đ thì ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú, hiện nay ông H và bà

C vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt và niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng ông H và bà C không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông, bà. Từ đó, cho thấy ông Danh H và bà Thị C đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông Danh H và bà Thị C theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Đ đối với bị đơn bà Thị C và ông Danh H. Do đó, buộc bà Thị C và ông Danh H phải trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về án phí DSST là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Yêu cầu của bà Ngô Thị Đ được Tòa án chấp nhận nên bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 8.000.000đ (tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004580 ngày 30/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Thị C và ông Danh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 320.000.000đ x 5% = 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Đ đối với bà Thị C và ông Danh H.

Buộc bà Thị C và ông Danh H phải trả cho bà Ngô Thị Đ số tiền là 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. **Về án phí DSST**: Là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) buộc bà Thị C và ông Danh H phải nộp.

Bà Ngô Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 8.000.000đ (tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004580 ngày 30/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/5/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh